|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH THÁI NGUYÊN**SỞ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-STC | *Thái Nguyên, ngày tháng năm 2022* |

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**Quy định nội dung chi và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên**

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.*

Để có cơ sở tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên, Sở Tài chính Thái Nguyên báo cáo đánh giá tác động của chính sách quy định nội dung chi và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước như sau:

**I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng bao gồm hội viên, đoàn viên của các tổ chức hội, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, họ không phải là những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, xóm, tổ dân phố, cán bộ, công chức, viên chức. Những người này là lực lượng có vai trò quan trọng tham gia trực tiếp trong việc thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh... ở địa phương.

Tuy nhiên họ lại không được hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước và không được hưởng chính sách hỗ trợ từ các cấp chính quyền địa phương.

Theo quy định tại Quyết định 208-QĐ/TW ngày 08/11/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Trung tâm Chính trị cấp huyện có nhiệm vụ tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới về chuyên môn, nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và một số lĩnh vực khác cho cán bộ đảng (là cấp uỷ viên cơ sở), cán bộ chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở; bồi dưỡng chính trị cho đối tượng phát triển đảng; lý luận chính trị cho đảng viên mới; nghiệp vụ công tác đảng cho cấp uỷ viên cơ sở. Trong đó việc đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng là những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước chiếm tỷ lệ lớn, từ 40% đến 65% tổng số học viên thực hiện đào tạo, bồi dưỡng tại các Trung tâm Chính trị cấp huyện và những đối tượng này không được quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30/3/2018 hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Vì vậy Trung tâm Chính trị cấp huyện tại tỉnh Thái Nguyên gặp khó khăn trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng đối với những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước do không có cơ sở để tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng đối với các đối tượng này.

Do vậy việc xây dựng chính sách quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ đối với những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước trong quá trình triển khai công tác đào tạo bồi dưỡng tại các cơ cơ sở đào tạo, bồi dưỡng là cần thiết và quan trọng, nhằm khích lệ, tạo điều kiện cho các đối tượng này được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thúc đẩy sự phát triển về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Tạo điều kiện để các cơ sở đào tạo bồi dưỡng có cơ sở triển khai chính sách hỗ trợ trong việc đào tạo, bồi dưỡng những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước, giúp những đối tượng này được tham gia học tập nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị để đảm đương nhiệm vụ được giao, từ đó, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đáp ứng mọi yêu cầu trong tình hình mới.

Đồng thời việc xây dựng chính sách hỗ trợ này thể hiện sự quan tâm của Đảng và nhà nước đối với việc nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đoàn thể cơ sở đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương.

1. **Đánh giá tác động chính sách**

**Nội dung chính sách:** Xây dựng quy định nội dung chi và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

1. **Xác định vấn đề bất cập**

 Trên cơ sở quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính, ngày 13/8/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Nghị quyết số 13/2021/NQ-HDND quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên, theo đó những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước không thuộc đối tượng áp dụng nội dung chi và mức chi đào tạo bồi dưỡng quy định tại các văn bản trên. Hàng năm những đối tượng này thường xuyên tham gia các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ, công tác xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, bồi dưỡng chính trị cho đối tượng phát triển đảng, lý luận chính trị cho đảng viên mới, nghiệp vụ công tác đảng cho cấp ủy viên cơ sở…, họ không được hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước, đồng thời không nằm trong đối tượng áp dụng nội dung và mức chi đào tạo bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh như cán bộ công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở xóm, tổ dân phố, vì vậy các Trung tâm Chính trị cấp huyện tại tỉnh Thái Nguyên gặp khó khăn trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng đối với những đối tượng này.

Mặt khác, trong những năm qua, các địa phương luôn coi công tác bồi dưỡng, giáo dục, tạo nguồn đảng viên mới cho Đảng trong lực lượng đoàn viên, thanh niên, quần chúng nhân dân là nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, nhằm củng cố, xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Do đó, khâu tạo nguồn, bồi dưỡng đối tượng kết nạp đảng, bồi dưỡng đảng viên mới có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp cho đoàn viên, hội viên và quần chúng Nhân dân nhận thức sâu sắc về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; những thành tựu trong sự nghiệp đổi mới nhằm củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, tạo sự tin tưởng, đồng thuận cao trong toàn xã hội, nâng cao ý thức giác ngộ chính trị để đoàn viên, hội viên và quần chúng Nhân dân phấn đấu vào Đảng, để bổ sung được cho Đảng những người ưu tú nhất, tiêu biểu nhất về phẩm chất, năng lực, trí tuệ để kết nạp vào Đảng, góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo, uy tín và sức chiến đấu của tổ chức đảng, chỉ có như vậy, Đảng mới có đủ uy tín, năng lực, trí tuệ để lãnh đạo cách mạng.

Vì vậy nhà nước cần có sự quan tâm và ban hành chính sách nhằm góp phần hỗ trợ cho những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho họ được tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng của địa phương.

**2. Mục tiêu**

Việc xây dựng chính sách giúp các cơ quan, đơn vị, được giao nhiệm vụ mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng có cơ sở áp dụng nội dung chi và mức chi đào tạo, bồi dưỡng cho những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

1. **Giải pháp**

Căn cứ tình hình thực tiễn tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan đơn vị, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất ban hành chính sách quy định nội dung chi và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên, theo đó nội dung chi và mức chi cho những đối tượng này được xây dựng trên cơ sở nội dung chi và mức chi được quy định tại Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.

Nguồn kinh phí: Được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng và đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

1. **Đánh giá tác động của giải pháp**
* Tác động tích cực:

Việc xây dựng nội dung chi và mức chi đào tạo bồi dưỡng cho đối tượng là những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các Trung tâm chính trị cấp huyện có cơ sở triển khai tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng tại địa phương, đồng thời có tác động tích cực trong việc khuyến khích những đối tượng này tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, góp phần thúc đẩy sự phát triển về kinh tế, xã hội và nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng của địa phương.

* Tác động tiêu cực: Chính sách không có tác động tiêu cực.
1. **Kiến nghị**

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách hỗ trợ như trên trong dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên nhằm tạo cơ sở thống nhất cho các cơ quan đơn vị có liên quan triển khai thực hiện.

**III. Giám sát đánh giá**

1. Sau khi chính sách quy định nội dung chi và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, Sở Tài chính sẽ phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện thành phố, thị xã và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ này theo quy định.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện chính sách này theo quy định của pháp luật.

 **IV. Phụ lục**

Để thực hiện chính sách quy định nội dung chi và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên, Sở Tài chính dự kiến kinh phí để thực hiện như sau:

 Trung bình một năm, kinh phí dự kiến thực hiện hỗ trợ: 6.059.350.000 đồng.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

 Kinh phí hỗ trợ được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng và đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của của chính sách quy định nội dung chi và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng những người không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- UBND tỉnh (báo cáo);- Sở Tư pháp;- Lưu VT, HCSN. | **KT.GIÁM ĐỐC****PHÓ GIÁM ĐỐC****Vũ Thị Anh Dung** |

|  |
| --- |
| **Phụ lục** |
| **DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG NHỮNG NGƯỜI KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC** |
| *(Kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách của Sở Tài chính Thái Nguyên)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ĐVT: đồng |

| **Số TT** | **Nội dung chi** | **Tổng cộng** | **Trung tâm Chính trị huyện Đại Từ** | **Trung tâm Chính trị huyện Định Hóa** | **Trung tâm Chính trị huyện Đồng Hỷ** | **Trung tâm Chính trị thị xã Phổ Yên** | **Trung tâm Chính trị huyện Phú Bình** | **Trung tâm Chính trị huyện Phú Lương** | **Trung tâm Chính trị huyện Võ Nhai** | **Trung tâm Chính trị thành phố Sông Công** | **Trung tâm Chính trị thành phố Thái Nguyên** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng cộng** | **6 059 350 000** |  **943 300 000** |  **777 300 000** |  **713 550 000** |  **454 200 000** |  **563 000 000** |  **591 500 000** |  **633 200 000** |  **448 300 000** |  **935 000 000** |
| 1 | Chi hỗ trợ tiền ăn cho học viên | 1 997 750 000 |  400 000 000 |  300 000 000 |  223 750 000 |  144 000 000 |  180 000 000 |  150 000 000 |  190 000 000 |  160 000 000 |  250 000 000 |
| 2 | Chi hỗ trợ tiền đi lại cho học viên (tính trung bình hỗ trợ một lượt) |  171 000 000 |  15 000 000 |   |   |   |   |  20 000 000 |  76 000 000 |   |  60 000 000 |
| 3 | Tiền ngủ cho học viên |  31 500 000 |  31 500 000 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 4 | Chi tiền giảng viên (ước số lượng theo từng mức chi quy định tại NQ 13/2021) |  368 600 000 |  52 800 000 |  34 800 000 |  35 000 000 |  37 200 000 |  36 000 000 |  40 000 000 |  30 000 000 |  46 800 000 |  56 000 000 |
| 5 | Chi tiền ăn, tiền đi lại, tiền ngủ cho giảng viên (nếu có) |  14 700 000 |   |  7 200 000 |   |   |   |  7 500 000 |   |   |   |
| 6 | Chi nước uống phục vụ lớp học |  805 500 000 |  80 000 000 |  120 000 000 |  89 500 000 |  72 000 000 |  144 000 000 |  60 000 000 |  76 000 000 |  64 000 000 |  100 000 000 |
| 7 | Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - | Tiền ăn |  576 000 000 |  50 000 000 |  90 000 000 |  105 000 000 |  40 000 000 |  41 000 000 |  105 000 000 |  75 000 000 |  35 000 000 |  35 000 000 |
| - | Tiền ngủ cho học viên |  580 500 000 |  50 000 000 |  45 000 000 |  105 000 000 |  40 000 000 |  35 000 000 |  63 000 000 |  50 000 000 |  17 500 000 |  175 000 000 |
| - | Tiền thuê xe |  529 500 000 |  90 000 000 |  100 000 000 |  52 500 000 |  40 000 000 |  26 000 000 |  56 000 000 |  70 000 000 |  35 000 000 |  60 000 000 |
| 8 | Chi biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng mới; chi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, tài liệu bồi dưỡng |   |   | 0 |   |   |   |   |   |   |   |
| 9 | Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi: |  109 150 000 |  24 000 000 |  4 800 000 |  8 950 000 |  10 000 000 |  15 000 000 |  10 000 000 |  6 400 000 |  6 000 000 |  24 000 000 |
| 10 | Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc |  103 500 000 |  20 000 000 |  7 500 000 |  6 000 000 |  9 000 000 |  8 000 000 |  10 000 000 |  7 000 000 |  16 000 000 |  20 000 000 |
| 11 | Chi hoạt động quản lý trực tiếp các lớp đào tạo, bồi dưỡng của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng, gồm Chi công tác phí cho cán bộ quản lý lớp của cơ sở đào tạo (nếu có); chi làm thêm giờ của cán bộ quản lý lớp (nếu có) và các khoản chi khác để phục vụ quản lý, điều hành lớp học (nếu có). |  76 000 000 |   | 0 |  20 000 000 |   |  16 000 000 |  10 000 000 |   |   |  30 000 000 |
| 12 | Các khoản chi phí theo thực tế phục vụ trực tiếp lớp học |   |   | 0 |   |   |   |   |   |   |   |
| - | Chi thuê hội trường, phòng học; thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy  |   |   | 0 |   |   |   |   |   |   |   |
| - | Chi mua, in ấn giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); |  132 000 000 |  30 000 000 |  16 000 000 |  16 000 000 |  10 000 000 |  15 000 000 |  10 000 000 |  10 000 000 |  5 000 000 |  20 000 000 |
| - | Chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên |   |   | 0 |   |   |   |   |   |   |   |
| - | Chi in và cấp chứng chỉ |  346 650 000 |  60 000 000 |  30 000 000 |  26 850 000 |  27 000 000 |  27 000 000 |  30 000 000 |  22 800 000 |  48 000 000 |  75 000 000 |
| 13 | Chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý, bồi dưỡng  |   |   | 0 |   |   |   |   |   |   |   |
| - | Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị, hội đồng xét kết quả, lễ khai giảng, bế giảng |  14 000 000 |   |  2 000 000 |  5 000 000 |  5 000 000 |   |  2 000 000 |   |   |   |
| - | Chi văn phòng phẩm, điện, nước, thông tin liên lạc, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi khác  |  203 000 000 |  40 000 000 |  20 000 000 |  20 000 000 |  20 000 000 |  20 000 000 |  18 000 000 |  20 000 000 |  15 000 000 |  30 000 000 |
| - | Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng |   | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |   | 0 |